TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2018
V/v tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tài Định
2. Ông Nguyễn Đình Dũng.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Như-Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1992, địa chỉ: Xóm KT, thôn ML, xã TK, thành phố QN, QN, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1992, địa chỉ: Đội 8, thôn AL, xã TL, thành phố QN, tỉnh QN, vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20-10-2017, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 25-10-2017, Bản tự khai ngày 25-10-2017 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Thanh H tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 23-6-2014 tại UBND xã TL, thành phố QN, tỉnh QN. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung cháu Phạm Viết T, sinh ngày 26-01-2015, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau về quan hệ vợ chồng, vợ chồng không sống với nhau từ tháng 02/2017, bà nộp đơn xin ly hôn lần thứ nhất vào tháng 8/2017 nhưng xét thấy để cho vợ chồng suy nghĩ lại đoàn tụ nên bà đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, nhưng vợ chồng sống vẫn không có quan điểm chung nên bà lại gửi đơn xin ly hôn ông H. Nay giữa bà và ông H không còn tình cảm, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Thanh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Viết T, sinh ngày 26-01-2015 hiện đang ở với bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu giao cháu T cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, yêu cầu ông Phạm Thanh H cấp dưỡng nuôi con cháu T, mỗi tháng 1.000.000 đồng thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, vì hiện tại bà làm nghề bán hủ tiếu, thu nhập trung bình một tháng 6.000.000 đồng, còn ông H hiện nay chưa có công việc ổn định.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có. Vợ chồng không cho ai vay mượn tài sản gì.

Bị đơn ông Phạm Thanh H không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Phạm Thanh H. Về con chung: Giao cháu Phạm Viết T cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con được chấp nhận. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Thanh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Thanh H tự nguyện kết hôn vào ngày 23-6-2014 tại UBND xã TL, thành phố QN, tỉnh QN là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, sinh được cháu T vào ngày 26-01-2015, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do mâu thuẫn về tình cảm vợ chồng, dẫn đến vợ chồng hay cãi vã nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N. Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Phạm Thanh H.

[3] Về con chung: Bà N và ông H có 01 con chung là Phạm Viết T, sinh ngày 26-01-2015 hiện đang ở với bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu giao cháu T cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, vì cháu T đang ở với bà N tinh thần và thể chất của cháu vẫn phát triển tốt. Bà N làm nghề buôn bán hủ tiếu, có thu nhập ổn định. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa bà N thay đổi yêu cầu, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử giải thích cho bà N hiểu rằng việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con để bà N biết, nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con, nhưng bà N vẫn không yêu cầu ông H cấp

dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không buộc ông H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có. Bà N và ông H cũng không cho ai vay mượn tài sản gì.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng trong vụ án ly hôn.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Với những nhận định trên là phù hợp với ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Phạm Thanh H.

2/ Về con chung: Giao cháu Phạm Viết T, sinh ngày 26-01-2015 (hiện đang ở với bà N) cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Phạm Thanh H không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng trong vụ án ly hôn. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà N đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0001757 ngày 25/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

6/ Về thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND tp Quảng Ngãi;*
- *Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;*
- *UBND xã TL, tp QN;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trà Thanh Tùng